

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/DS-ST

Ngày: 31-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phước.

2/ Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 và 31/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2024/TLST-DS ngày 14/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST-DS ngày 03/3/2025 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** Ông Hồ Kiếm T, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường L, Khóm B, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người đại diện hợp pháp:** Bà Trần Thuý Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: đường C, Khu dân cư M, Khóm A, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 11/01/2024) (có mặt).

– **Bị đơn:** Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường P, Khóm B, Phường G, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Kiếm T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Trần Thuý Q trình bày: Ông Hồ Kiếm T có quen biết với bà Lê Thị Lệ T nên vào tháng 8/2020 (không nhớ rõ ngày) ông T có cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng để bà T làm vốn kinh doanh, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất thoả thuận 20%/năm, lúc đầu do tin tưởng bà T nên ông T không có yêu cầu bà T làm giấy tờ, nhưng sau đó thấy không an tâm nên ngày 12/8/2020 ông T có ghi âm lại cuộc nói chuyện với bà T, nội dung cuộc ghi âm bà T thừa nhận có nợ ông T 50.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ bà T không trả vốn cũng không đóng lãi,

ông T nhiều lần đòi nợ nhưng bà T không trả. Nay ông T yêu cầu bà T trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi với mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 01/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó không yêu cầu bà T trả lãi vay với lãi suất 1,66/tháng, chỉ yêu cầu bà T trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 01/3/2021 đến ngày 31/3/2025 đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng x 04 năm 30 ngày x 10%/năm = 20.410.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 70.410.000 đồng.

– *Bị đơn bà Lê Thị Lệ T trình bày:* Bà T không có vay số tiền 50.000.000 đồng của ông T. Đoạn ghi âm ông T cung cấp đúng là giọng nói của bà T, nhưng nội dung cuộc nói chuyện bà T không có thừa nhận nợ tiền ông T, mà là thời điểm đó của có người nhờ bà T đi cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T là môi giới nên bà T mới nhờ ông T đi cầm giữ, ông T hỏi cầm bao nhiêu, bà T trả lời cầm khoảng 30.000.000 đồng hay 40.000.000 đồng do lâu quá bà T không nhớ rõ, bà T có đưa cho ông T bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T nói “nếu cầm được thì tao khoẻ, thì tao có tiền”, thì ông T nói “nếu cầm được chị khoẻ rồi”. Nội dung đoạn ghi âm thể hiện việc trao đổi làm ăn qua lại giữa bà T với ông T, chứ không phải bà T thừa nhận có nợ ông T 50.000.000 đồng. Bà T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Kiếm T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả lãi vay, chỉ yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Kiếm T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Lệ T trả cho ông T số tiền vay 50.000.000 và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với lãi suất 10% năm (tương đương 0,83%/tháng), từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử 31/3/2025 đối với số tiền gốc

50.000.000 đồng x 04 năm 30 ngày x 10%/năm là 20.410.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 70.410.000 đồng, vì theo ông T thì vào tháng 8/2020 (không nhớ rõ ngày) bà T có vay của ông T 50.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), lúc đầu do tin tưởng bà T nên ông T không có yêu cầu bà T làm giấy tờ, nhưng sau đó thấy không an tâm nên ngày 12/8/2020 ông T có ghi âm lại cuộc nói chuyện với bà T, nội dung cuộc ghi âm bà T thừa nhận có nợ ông T 50.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ bà T không trả vốn cũng không đóng lãi, ông T nhiều lần đòi nợ nhưng bà T không trả nên phát sinh tranh chấp.

[3] Nhận thấy, việc ông T cho bà T vay tiền không có làm hợp đồng hay biên nhận. Nhưng ông T có cung cấp được một USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T với ông T và bà T thừa nhận giọng nói trong cuộc ghi âm là của bà T. Nội dung ghi âm thể hiện khi ông T hỏi “*nếu vay được 200 chị trả em bao nhiêu*”, bà T trả lời “*nếu vay được 200 chị trả 50.000.000 đồng luôn cho mày khoẻ*”. Ông T và người đại diện của ông T là bà Trần Thuý Q trình bày “200” trong đoạn ghi âm là 200.000.000 đồng, bà T nói nếu ông T vay được 200.000.000 đồng thì bà T sẽ trả cho ông T 50.000.000 đồng, đã chứng minh cho việc bà T thừa nhận tại thời điểm ghi âm bà T có nợ ông T 50.000.000 đồng. Xét thấy, đoạn ghi âm trên là tài liệu nghe được, là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự và bà T cũng thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà T nên Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ ông T 50.000.000 đồng. Việc vay tiền xác lập giữa hai bên là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, nội dung và mục đích vay phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T vi phạm nghĩa vụ trả vốn vay đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, nên việc ông T yêu cầu bà T trả số tiền gốc nêu trên là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc bà T cho rằng nội dung đoạn ghi âm thể hiện việc trao đổi làm ăn qua lại giữa bà T với ông T, chứ không phải bà T thừa nhận có nợ ông T 50.000.000 đồng là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi vay, ông T trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 20%/năm. Khi vay tiền đến nay bà T chưa đóng lãi, nhưng đoạn ghi âm không có nội dung thể hiện việc bà T nợ tiền ông T có lãi, tại phiên tòa ông T không yêu cầu bà T trả lãi vay với lãi suất 20%/năm, chỉ yêu cầu bà T trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với lãi suất 10%/năm, từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử 31/3/2025 đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng x 04 năm 30 ngày x 10%/năm = 20.410.000 đồng. Ông T trình bày đoạn ghi âm trên được ghi âm vào ngày tháng 12/8/2020 và thời hạn ông T cho bà T vay là 02 tháng, không xác định ngày nào. Căn cứ vào quy định tại Điều 148 Bộ luật Dân sự, nếu tháng kết thúc thời hạn không có ngày tương ứng thì thời hạn được xác định vào ngày nào cuối cùng của tháng, như vậy trường hợp trên thời hạn vay 02 tháng, thì ngày trả nợ xác định là ngày 31/10/2020 bà T phải có nghĩa vụ thanh toán, nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó từ ngày 01/11/2020 đến nay bà T có trách nhiệm trả cho ông T số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo

quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự với lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên tại phiên toà ông T chỉ yêu cầu bà T trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử 31/3/2025, đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng x 04 năm 30 ngày x 10%/năm = 20.410.000 đồng là có lợi cho bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy bà T có trách nhiệm trả vốn và lãi cho ông T với số tiền tổng cộng 70.410.000 đồng.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà T phải chịu 3.520.500 đồng, nhưng do bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 148, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Kiếm T.

Buộc bà Lê Thị Lệ T trả cho ông Hồ Kiếm T số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 20.410.000 đồng, tổng cộng 70.410.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hồ Kiếm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Lệ T không trả số tiền trên, thì bà Lê Thị Lệ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Lệ T phải chịu 3.520.500 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng do bà Lê Thị Lệ T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm đối với số tiền 3.520.500 đồng.

Ông Hồ Kiếm T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng TT, KT &THA)
- Đường sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh